



Bình Dương, ngày 03 tháng 3 năm 2020

THÔNG BÁO

Lịch học và thủ tục nhập học của tân sinh viên Hệ thường xuyên đợt 3 năm 2019

Trường đại học Thủ Dầu Một thông báo đến tân sinh viên đã trúng tuyển, tuyển sinh Đại học Hệ thường xuyên đợt 3 năm 2019 về lịch học và thủ tục nhập học:

1. Lịch học: (xem phụ lục và thời khóa biểu chi tiết đính kèm)

- **7h15, ngày 07/03/2020**, tân sinh viên đến trường để học, lịch học cụ thể;

+ **Từ 7h30 – 8h30, ngày 07/03/2020**, tân sinh viên sẽ gặp Lãnh đạo chương trình đào tạo, Thư ký chương trình đào tạo, Cố vấn học tập (xem phòng học ở bảng phụ lục) để ổn định tổ chức lớp, nghe phổ biến các quy định, quy chế đào tạo, chuẩn đầu ra, hướng dẫn đăng ký học phần cho các học kỳ sau, cách xem thời khóa biểu, hướng dẫn sử dụng tài khoản cá nhân, hoàn thiện thủ tục nhập học... (Buổi sinh hoạt này rất quan trọng, đề nghị tân sinh viên tham dự đầy đủ).

+ **Từ 8h30 – 11h30, ngày 07/03/2020**, tân sinh viên sẽ học theo thời khóa biểu.

2. Làm thủ tục nhập học:

2.1. Thời gian nhập học: Trong thời gian từ ngày **07/03/2020 đến ngày 15/03/2020** tân sinh viên phải hoàn thiện thủ tục nhập học, quá thời hạn trên nếu chưa hoàn thành thủ tục nhập học thì sẽ bị xóa tên khỏi danh sách nhập học.

2.2. Địa điểm nhập học: Trung tâm Tuyển sinh, Trường đại học Thủ Dầu Một

2.3. Các bước nhập học:

- **Bước 1:** Nhận Giấy báo trúng tuyển (nhận trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh);

- **Bước 2:** Khai phiếu thông tin sinh viên (khai theo mẫu phiếu đính kèm, điền phiếu xong, nộp tại Trung tâm Tuyển sinh);

- **Bước 3:** Đóng học phí và lệ phí;

+ Lệ phí: 200.000đ/Sinh viên

+ Học phí học kỳ 1: (xem bảng phụ lục)

- **Bước 4:** Nhận giấy vào lớp;

- **Bước 5:** Chụp hình và làm thẻ sinh viên (phòng Công tác Sinh viên sẽ thông báo và hướng dẫn cụ thể sau ngày 15/03/2020).

Thông tin liên hệ:

Trung tâm Tuyển sinh, Trường Đại học Thủ Dầu Một

Website: www.tuyensinh.tdmu.edu.vn **Email:** trungtamtuyensinh@tdmu.edu.vn

Điện thoại: (0274) 3835677 – (0274) 3844340 – (0274) 3844341

Fanpage: facebook.com/tuyensinhTDMU - **Hotline:** 0911.022.322



PHỤ LỤC

TT	Ngành	Hình thức đào tạo	Mã lớp	Phòng học (Đề sinh hoạt từ 7h30 – 8h30)	Phòng học (Đề học theo thời khóa biểu sau 8h30)	Học phí học kỳ 1	Họ tên cố vấn học tập	Số điện thoại của cố vấn học tập	Địa chỉ email của cố vấn học tập
I Trình độ cao đẳng liên thông lên đại học									
1	Quản trị Kinh doanh	Chính quy	KLB20QT01	B-201	E3-102	5.460.000đ	Huỳnh Công Phụng	0909562555	phuonghc@tdmu.edu.vn
2	Sư phạm Ngữ văn	Chính quy	KLB20NV01	B-202	I4-311	5.460.000đ	Ngô Thị Kiều Oanh	0915854251	ngothikieuoanh87@gmail.com
3	Sư phạm Lịch sử	Chính quy	KLB20LS01	B-203	D-103	6.630.000đ	Trần Ngọc Duyệt	0914050119	duyettn@tdmu.edu.vn
4	Địa lý học	Chính quy	KLB20DL01	B-204	A4-101	5.850.000đ	Vũ Hải Thiên Nga	0919018878	ngavht@tdmu.edu.vn
5	Giáo dục Mầm non	Chính quy	KLB20MN01	B-205	A2-101	7.020.000đ	Nguyễn Thị Ngọc Hân	0917526885	ngochan.xd1966@gmail.com
6	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	KLB20TH01	I3-106	I4-314	5.460.000đ	Nguyễn Thị Thu Trang	0917760941	trangntt@tdmu.edu.vn
7	Hệ thống Thông tin	Chính quy	KLB20HT01	B-301	I4-107	6.981.000đ	Nguyễn Thị Thủy	0388906377	thuynt1982@tdmu.edu.vn
8	Kế toán	Chính quy	KLB20KT01	B-302	E3-102	6.240.000đ	Lê Đoàn Minh Đức	0989725579	ducldm@tdmu.edu.vn
9	Kỹ thuật điện	Chính quy	KLB20DT01	B-303	F2-101	6.504.000đ	Nguyễn Phương Trà	0948363239	tranp@tdmu.edu.vn
II Trình độ Đại học văn bằng 2									
1	Ngôn ngữ Anh	VLVH	KBV20AV01	B-304	I4-313	7.410.000đ	Nguyễn Thụy Hồng Ngân	0909267168	ngannth@tdmu.edu.vn
III Trình độ đại học vừa làm vừa học									
1	Quản trị Kinh doanh	VLVH	KVV20QT01	B-305	E3-102	5.655.000đ	Phạm Như Bình	0914055955	binhpn@tdmu.edu.vn
2	Ngôn ngữ Anh	VLVH	KVV20AV01	B-401	D-103	5.070.000đ	Nguyễn Thanh Xuân	0984128182	xuannt@tdmu.edu.vn
3	Giáo dục Mầm non	VLVH	KVV20MN01	B-402	D-103	5.460.000đ	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	0399990467	diepntn@tdmu.edu.vn

GHI CHÚ:

- **7h15, ngày 07/03/2020**, tân sinh viên đến trường để học;

+ **Từ 7h30 – 8h30, ngày 07/03/2020**, ổn định tổ chức lớp, nghe phổ biến các quy định, quy chế đào tạo, chuẩn đầu ra, hướng dẫn đăng ký học phần cho các học kỳ sau, cách xem thời khóa biểu, hướng dẫn sử dụng tài khoản cá nhân, hoàn thiện thủ tục nhập học... (Buổi sinh hoạt này rất quan trọng, đề nghị tân sinh viên tham dự đầy đủ)

+ **Từ 8h30 – 11h30, ngày 07/03/2020**, tân sinh viên sẽ học theo thời khóa biểu.

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP**

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Lớp: Đại học Ngôn ngữ Anh VB2 VLVH (KBV20AV01) - Ngành ĐH Ngôn ngữ Anh - Khoa Ngoại ngữ

Ngày bắt đầu học kỳ : 06/01/2020 (Tuần 21)

Mã MH	Tên môn học	Số tiết MH	Số TC	NH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
										123456789012345678901234567890		
Môn đã xếp thời khóa biểu												
AV139	Ngữ pháp 1 (3+0)	45	3	HK2.TX.01	50	7	1	5	I4-313	07/03/2020 - 28/03/2020	KHNN052	Võ Hoàng Sang
						7	6	5	I4-313	07/03/2020 - 28/03/2020	KHNN052	Võ Hoàng Sang
						7	11	3	I4-313	28/03/2020 - 28/03/2020	KHNN052	Võ Hoàng Sang
						8	11	2	I4-313	29/03/2020 - 29/03/2020	KHNN052	Võ Hoàng Sang
AV145	Ngữ pháp 2 (3+0)	45	3	HK2.TX.01	52	7	1	5	I4-313	04/04/2020 - 25/04/2020	KHNN099	Nguyễn Thị Hồng Qu
						7	6	5	I4-313	04/04/2020 - 25/04/2020	KHNN099	Nguyễn Thị Hồng Qu
						7	11	3	I4-313	04/04/2020 - 04/04/2020	KHNN099	Nguyễn Thị Hồng Qu
						8	11	2	I4-313	05/04/2020 - 05/04/2020	KHNN099	Nguyễn Thị Hồng Qu
AV297	Ngữ âm 1 (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	8	1	5	I4-313	08/03/2020 - 22/03/2020	KHNN073	Âu Minh Triết
						8	6	5	I4-313	08/03/2020 - 22/03/2020	KHNN073	Âu Minh Triết
AV304	Nghe - Nói 1 (0+3)	90	3	HK2.TX.01	50	7	1	5	I4-313	02/05/2020 - 09/05/2020	KHNN052	Võ Hoàng Sang
						7	6	5	I4-313	02/05/2020 - 09/05/2020	KHNN052	Võ Hoàng Sang
						8	1	5	I4-313	29/03/2020 - 10/05/2020	KHNN052	Võ Hoàng Sang
						8	6	5	I4-313	29/03/2020 - 10/05/2020	KHNN052	Võ Hoàng Sang
Môn chưa xếp / không xếp thời khóa biểu												
AV298	Ngữ âm 2 (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50			5			KHNN109	Nguyễn Hoàng Minh
AV306	Đọc - Viết 1 (0+3)	90	3	HK2.TX.01	50			5			KHNN086	Võ Thị Hải Yến

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP**

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Lớp: Đại học Địa Lý LTCQ từ CĐ (KLB20DL01) - Ngành ĐH Địa lý học - Khoa Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

Ngày bắt đầu học kỳ : 06/01/2020 (Tuần 21)

Mã MH	Tên môn học	Số tiết MH	Số TC	NH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
										123456789012345678901234567890		
Môn đã xếp thời khóa biểu												
DL115	Các quy luật địa lý chung của trái đất (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	8	1	5	A4-101	08/03/2020 - 22/03/2020	XHNV035	Vũ Hải Thiên Nga
						8	6	5	A4-101	08/03/2020 - 22/03/2020	XHNV035	Vũ Hải Thiên Nga
DL125	Địa lý tự nhiên các lục địa (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	8	1	5	A4-101	19/04/2020 - 03/05/2020	XHNV099	Nguyễn Thị Vân Anh
						8	6	5	A4-101	19/04/2020 - 03/05/2020	XHNV099	Nguyễn Thị Vân Anh
DL126	Địa lý kinh tế xã hội thế giới (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	8	1	5	A4-101	29/03/2020 - 12/04/2020	XHNV035	Vũ Hải Thiên Nga
						8	6	5	A4-101	29/03/2020 - 12/04/2020	XHNV035	Vũ Hải Thiên Nga
DL150	Phương pháp nghiên cứu Địa lý học (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	A4-101	07/03/2020 - 21/03/2020	XHNV011	Phan Văn Trung
						7	6	5	A4-101	07/03/2020 - 21/03/2020	XHNV011	Phan Văn Trung
DL151	Địa lý kinh tế xã hội đại cương (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	A4-101	28/03/2020 - 11/04/2020	XHNV006	Lê Thị Ngọc Anh
						7	6	5	A4-101	28/03/2020 - 11/04/2020	XHNV006	Lê Thị Ngọc Anh
DL153	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1 (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	A4-101	18/04/2020 - 02/05/2020	XHNV099	Nguyễn Thị Vân Anh
						7	6	5	A4-101	18/04/2020 - 02/05/2020	XHNV099	Nguyễn Thị Vân Anh
Môn chưa xếp / không xếp thời khóa biểu												
DL113	Địa lý tự nhiên đại cương (3+0)	45	3	HK2.TX.01	50			5			XHNV011	Phan Văn Trung

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu



THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Lớp: Đại học Kỹ thuật điện LTCQ từ CĐ (KLB20DT01) - Ngành ĐH Kỹ thuật Điện - Khoa Điện - Điện tử

Ngày bắt đầu học kỳ : 06/01/2020 (Tuần 21)

Mã MH	Tên môn học	Số tiết MH	Số TC	NH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
										123456789012345678901234567890		
Môn đã xếp thời khóa biểu												
DC103	Tư duy biện luận - sáng tạo (2+0)	30	2	HK2.TX.02	60	8	1	5	F2-101	08/03/2020 - 22/03/2020	TDMU074	Trần Ngọc Duyệt
						8	6	5	F2-101	08/03/2020 - 22/03/2020	TDMU074	Trần Ngọc Duyệt
DT032	Cơ sở điều khiển tự động (3+0)	45	3	HK2.TX.01	50	7	1	5	A4-104	28/03/2020 - 18/04/2020	CNOT001	Nguyễn Văn Tấn
						7	1	5	A4-104	25/04/2020 - 25/04/2020	CNOT001	Nguyễn Văn Tấn
						7	6	5	A4-104	28/03/2020 - 18/04/2020	CNOT001	Nguyễn Văn Tấn
DT126	Khí cụ điện (3+0)	45	3	HK2.TX.01	50	8	1	5	A4-104	03/05/2020 - 24/05/2020	KDDT008	Nguyễn Anh Vũ
						8	6	5	A4-104	26/04/2020 - 26/04/2020	KDDT008	Nguyễn Anh Vũ
						8	6	5	A4-104	03/05/2020 - 24/05/2020	KDDT008	Nguyễn Anh Vũ
DT128	Cung cấp điện (3+0)	45	3	HK2.TX.01	50	7	1	5	A4-104	02/05/2020 - 23/05/2020	TDMU020	Phạm Hồng Thanh
						7	6	5	A4-104	25/04/2020 - 25/04/2020	TDMU020	Phạm Hồng Thanh
						7	6	5	A4-104	02/05/2020 - 23/05/2020	TDMU020	Phạm Hồng Thanh
DT130	PLC (3+0)	45	3	HK2.TX.01	50	8	1	5	A4-104	29/03/2020 - 19/04/2020	KDDT004	Nguyễn Thành Đoàn
						8	1	5	A4-104	26/04/2020 - 26/04/2020	KDDT004	Nguyễn Thành Đoàn
						8	6	5	A4-104	29/03/2020 - 19/04/2020	KDDT004	Nguyễn Thành Đoàn

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP**

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Lớp: Đại học Hệ thống thông tin LTCQ từ CĐ (KLB20HT01) - Ngành ĐH Hệ thống Thông tin - Khoa Kỹ thuật Công nghệ

Ngày bắt đầu học kỳ : 06/01/2020 (Tuần 21)

Mã MH	Tên môn học	Số tiết MH	Số TC	NH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
										123456789012345678901234567890		
Môn đã xếp thời khóa biểu												
DC103	Tư duy biện luận - sáng tạo (2+0)	30	2	HK2.TX.02	60	8	1	5	F2-101	08/03/2020 - 22/03/2020	TDMU074	Trần Ngọc Duyệt
						8	6	5	F2-101	08/03/2020 - 22/03/2020	TDMU074	Trần Ngọc Duyệt
TI061	Phân tích thiết kế hệ thống (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	A4-103	28/03/2020 - 11/04/2020	CNTT023	Ngô Hồng Minh
						7	6	5	A4-103	28/03/2020 - 11/04/2020	CNTT023	Ngô Hồng Minh
TI217	Thiết kế web (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	A4-103	18/04/2020 - 02/05/2020	KTPM001	Nguyễn Hải Vinh Cử
						7	6	5	A4-103	18/04/2020 - 02/05/2020	KTPM001	Nguyễn Hải Vinh Cử
TI218	Thực hành Thiết kế web (0+1)	30	1	HK2.TX.01	50	8	1	5	C2.102-PM2	19/04/2020 - 03/05/2020	KTPM001	Nguyễn Hải Vinh Cử
						8	6	5	C2.102-PM2	19/04/2020 - 03/05/2020	KTPM001	Nguyễn Hải Vinh Cử
TI222	Lý thuyết đồ thị (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	A4-103	09/05/2020 - 23/05/2020	CNTT026	Võ Thị Diễm Hương
						7	6	5	A4-103	09/05/2020 - 23/05/2020	CNTT026	Võ Thị Diễm Hương
TI223	Thực hành Lý thuyết đồ thị (0+1)	30	1	HK2.TX.01	50	8	1	5	C2.103-PM3	10/05/2020 - 24/05/2020	CNTT026	Võ Thị Diễm Hương
						8	6	5	C2.103-PM3	10/05/2020 - 24/05/2020	CNTT026	Võ Thị Diễm Hương
TI224	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	8	1	5	A4-103	29/03/2020 - 12/04/2020		
						8	6	5	A4-103	29/03/2020 - 12/04/2020		
TI269	Quản trị hệ thống (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	I4-107	07/03/2020 - 21/03/2020		
						7	6	5	D-104	07/03/2020 - 21/03/2020		

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP**

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Lớp: Đại học Kế toán LTCQ từ CĐ (KLB20KT01) - Ngành ĐH Kế toán - Khoa Khoa Kinh Tế

Ngày bắt đầu học kỳ : 06/01/2020 (Tuần 21)

Mã MH	Tên môn học	Số tiết MH	Số TC	NH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
										123456789012345678901234567890		
Môn đã xếp thời khóa biểu												
DC102	Nhập môn nghiên cứu khoa học (2+0)	30	2	HK2.TX.01	130	8	1	5	D-102	08/03/2020 - 22/03/2020	LLCT015	Phạm Hồng Kiên
						8	6	5	D-102	08/03/2020 - 22/03/2020	LLCT015	Phạm Hồng Kiên
DC103	Tư duy biện luận - sáng tạo (2+0)	30	2	HK2.TX.03	130	7	1	5	E3-102	07/03/2020 - 21/03/2020	KKTR005	Lê Thị Thanh Loan
						7	6	5	E3-102	07/03/2020 - 21/03/2020	KKTR005	Lê Thị Thanh Loan
KT116	Hệ thống thông tin kế toán (2+0)	30	2	HK2.TX.01	75	8	1	5	E1-309	05/04/2020 - 19/04/2020	KKTE141	Nguyễn Vương Thành
						8	6	5	E1-309	05/04/2020 - 19/04/2020	KKTE141	Nguyễn Vương Thành
KT275	Thực hành Hệ thống thông tin kế toán (0+1)	30	1	HK2.TX.01	75	8	1	5	E1-309	26/04/2020 - 10/05/2020	KKTE141	Nguyễn Vương Thành
						8	6	5	E1-309	26/04/2020 - 10/05/2020	KKTE141	Nguyễn Vương Thành
KT276	Kế toán tài chính 1 (2+0)	30	2	HK2.TX.02	50	7	1	5	I4-314	18/04/2020 - 02/05/2020	KKTE051	Bùi Thị Trúc Quy
						7	6	5	F3-104	18/04/2020 - 02/05/2020	KKTE051	Bùi Thị Trúc Quy
KT277	Thực hành Kế toán tài chính 1 (0+1)	30	1	HK2.TX.02	50	7	1	5	F3-104	09/05/2020 - 23/05/2020	KKTE051	Bùi Thị Trúc Quy
						7	6	5	F3-104	09/05/2020 - 23/05/2020	KKTE051	Bùi Thị Trúc Quy
QT120	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế (2+0)	30	2	HK2.TX.01	100	7	1	5	E2-102	28/03/2020 - 11/04/2020	KKTE130	Nguyễn Minh Đăng
						7	6	5	E2-102	28/03/2020 - 11/04/2020	KKTE130	Nguyễn Minh Đăng
Môn chưa xếp / không xếp thời khóa biểu												
KT091	Nghệp vụ ngân hàng thương mại (3+0)	45	3	HK2.TX.01	50			5			TGKKTE009	Trần Thùy Duyên

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu



THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Lớp: Đại học Lịch Sử LTCQ từ CĐ (KLB20LS01) - Ngành ĐH Sư phạm Lịch sử - Khoa Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

Ngày bắt đầu học kỳ : 06/01/2020 (Tuần 21)

Mã MH	Tên môn học	Số tiết MH	Số TC	NH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
										123456789012345678901234567890		
Môn đã xếp thời khóa biểu												
DC103	Tư duy biện luận - sáng tạo (2+0)	30	2	HK2.TX.01	130	7	1	5	D-103	07/03/2020 - 21/03/2020	LLCT017	Đinh Hồng Phúc
						7	6	5	D-103	07/03/2020 - 21/03/2020	LLCT017	Đinh Hồng Phúc
LS230	Một số vấn đề về lịch sử Việt Nam và lịch sử Thế giới (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	8	1	5	D-101	08/03/2020 - 22/03/2020	TGLSVN009	Phạm Ngọc Trâm
						8	6	5	D-101	08/03/2020 - 22/03/2020	TGLSVN009	Phạm Ngọc Trâm
LS231	Đoàn kết dân tộc trong Lịch sử Việt Nam (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	8	1	5	D-101	29/03/2020 - 12/04/2020	XHNV097	Nguyễn Văn Giác
						8	6	5	D-101	29/03/2020 - 12/04/2020	XHNV097	Nguyễn Văn Giác
LS233	Nghệ thuật đối ngoại của Việt Nam trong lịch sử (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	8	1	5	F3-106	19/04/2020 - 03/05/2020		
						8	6	5	F3-106	19/04/2020 - 03/05/2020		
LS234	Quá trình đổi mới ở Việt Nam (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	I4-107	28/03/2020 - 11/04/2020	TDMU085	Lê Tuấn Anh
						7	6	5	D-101	28/03/2020 - 11/04/2020	TDMU085	Lê Tuấn Anh
LS235	Chương trình và sách giáo khoa môn lịch sử ở trường phổ thông (0+2)	60	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	F3-106	09/05/2020 - 23/05/2020	TDMU074	Trần Ngọc Duyệt
						7	6	5	F3-106	09/05/2020 - 23/05/2020	TDMU074	Trần Ngọc Duyệt
						8	1	5	F3-106	10/05/2020 - 24/05/2020	TDMU074	Trần Ngọc Duyệt
						8	6	5	F3-106	10/05/2020 - 24/05/2020	TDMU074	Trần Ngọc Duyệt
LS236	Phương pháp nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	F3-102	18/04/2020 - 02/05/2020	TDMU043	Ngô Minh Sang
						7	6	5	F3-102	18/04/2020 - 02/05/2020	TDMU043	Ngô Minh Sang

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP**

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Lớp: Đại học Giáo dục mầm non LTCQ từ CĐ (KLB20MN01) - Ngành ĐH Giáo dục Mầm non - Khoa Sư phạm Tiểu học Mầm non

Ngày bắt đầu học kỳ : 06/01/2020 (Tuần 21)

Mã MH	Tên môn học	Số tiết MH	Số TC	NH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
										123456789012345678901234567890		
Môn đã xếp thời khóa biểu												
DH004	Mỹ thuật (0+2)	60	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	I4-312	18/04/2020 - 25/04/2020	TDMU205	Hoàng Văn Cừ
						7	6	5	I4-309	18/04/2020 - 25/04/2020	TDMU205	Hoàng Văn Cừ
						8	1	5	D-106	05/04/2020 - 26/04/2020	TDMU205	Hoàng Văn Cừ
						8	6	5	D-106	05/04/2020 - 26/04/2020	TDMU205	Hoàng Văn Cừ
MN046	Sự phát triển thể chất trẻ em (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	8	1	5	I4-312	03/05/2020 - 17/05/2020		
						8	6	5	I4-308	03/05/2020 - 17/05/2020		
MN180	Múa (0+2)	60	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	A2.101	07/03/2020 - 21/03/2020	SPTM026	Đỗ Thị Quỳnh Ngọc
						7	1	5	A2.101	28/03/2020 - 11/04/2020	SPTM026	Đỗ Thị Quỳnh Ngọc
						7	6	5	A2.101	07/03/2020 - 21/03/2020	SPTM026	Đỗ Thị Quỳnh Ngọc
						7	6	5	A2.101	28/03/2020 - 11/04/2020	SPTM026	Đỗ Thị Quỳnh Ngọc
MN181	Tâm lý học Mầm non (3+0)	45	3	HK2.TX.01	50	7	11	3	I4-401	28/03/2020 - 28/03/2020	KHGD023	Nguyễn Văn Thắng
						8	1	5	I4-401	08/03/2020 - 29/03/2020	KHGD023	Nguyễn Văn Thắng
						8	6	5	I4-401	08/03/2020 - 29/03/2020	KHGD023	Nguyễn Văn Thắng
						8	11	2	I3-202	29/03/2020 - 29/03/2020	KHGD023	Nguyễn Văn Thắng
MN184	Văn học với giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	I4-401	02/05/2020 - 16/05/2020		
						7	6	5	I4-401	02/05/2020 - 16/05/2020		
Môn chưa xếp / không xếp thời khóa biểu												
MN182	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50			5			CNTT039	Bùi Thanh Khiết
MN183	Thực hành ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non (0+2)	60	2	HK2.TX.01	50			5			CNTT039	Bùi Thanh Khiết



THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Lớp: Đại học Ngữ Văn LTCQ từ CĐ (KLB20NV01) - Ngành ĐH Sư phạm Ngữ văn - Khoa Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

Ngày bắt đầu học kỳ : 06/01/2020 (Tuần 21)

Ngày bắt đầu học kỳ : 06/01/2020 (Tuần 21)												
Mã MH	Tên môn học	Số tiết MH	Số TC	NH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
										123456789012345678901234567890		
Môn đã xếp thời khóa biểu												
NV189	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành (0+2)	60	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	I4-402	28/03/2020 - 02/05/2020	XHNV039	Hà Thanh Vân
						7	6	5	I4-402	28/03/2020 - 02/05/2020	XHNV039	Hà Thanh Vân
NV190	Ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa tiếng Việt (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	8	1	5	A4-102	08/03/2020 - 22/03/2020	KHNN031	Phan Thị Thanh Thủy
						8	6	5	A4-102	08/03/2020 - 22/03/2020	KHNN031	Phan Thị Thanh Thủy
NV191	Từ Hán Việt với việc giảng dạy Ngữ văn ở Trung Học Phổ Thông (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	8	1	5	F3-103	19/04/2020 - 03/05/2020	XHNV027	Nguyễn Văn Ngoạn
						8	6	5	F3-103	19/04/2020 - 03/05/2020	XHNV027	Nguyễn Văn Ngoạn
NV192	Phong cách nghệ thuật của các tác giả Văn Học trung đại Việt Nam (3+0)	45	3	HK2.TX.01	50	7	1	5	F3-103	09/05/2020 - 16/05/2020	XHNV019	Lê Sỹ Đồng
						7	6	5	F3-103	09/05/2020 - 16/05/2020	XHNV019	Lê Sỹ Đồng
						7	11	3	F3-103	16/05/2020 - 16/05/2020	XHNV019	Lê Sỹ Đồng
						8	1	5	I3-201	10/05/2020 - 17/05/2020	XHNV019	Lê Sỹ Đồng
						8	6	5	I3-201	10/05/2020 - 17/05/2020	XHNV019	Lê Sỹ Đồng
						8	11	2	I3-201	17/05/2020 - 17/05/2020	XHNV019	Lê Sỹ Đồng
NV193	Cú pháp học tiếng Việt (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	I4-311	07/03/2020 - 21/03/2020	SPTM037	Nguyễn Thị Như Ngu
						7	6	5	I4-309	07/03/2020 - 21/03/2020	SPTM037	Nguyễn Thị Như Ngu
NV194	Thi pháp văn học dân gian (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	8	1	5	F3-101	29/03/2020 - 12/04/2020	XHNV028	Võ Thị Thanh Tùng
						8	6	5	F3-101	29/03/2020 - 12/04/2020	XHNV028	Võ Thị Thanh Tùng

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP**

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Lớp: Đại học Quản trị kinh doanh LTCQ từ CB (KLB20QT01) - Ngành ĐH Quản trị Kinh doanh - Khoa Khoa Kinh Tế

Ngày bắt đầu học kỳ : 06/01/2020 (Tuần 21)

Mã MH	Tên môn học	Số tiết MH	Số TC	NH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
										123456789012345678901234567890		
Môn đã xếp thời khóa biểu												
DC103	Tư duy biện luận - sáng tạo (2+0)	30	2	HK2.TX.03	130	7	1	5	E3-102	07/03/2020 - 21/03/2020	KKTR005	Lê Thị Thanh Loan
						7	6	5	E3-102	07/03/2020 - 21/03/2020	KKTR005	Lê Thị Thanh Loan
KT264	Nguyên lý kế toán (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	8	1	5	D-104	08/03/2020 - 22/03/2020	KKTE100	Phạm Bình An
						8	6	5	D-104	08/03/2020 - 22/03/2020	KKTE100	Phạm Bình An
LU007	Luật kinh tế (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	8	1	5	D-102	10/05/2020 - 24/05/2020	TDMU151	Đoàn Thị ánh Ngọc
						8	6	5	D-102	10/05/2020 - 24/05/2020	TDMU151	Đoàn Thị ánh Ngọc
QT120	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế (2+0)	30	2	HK2.TX.01	100	7	1	5	E2-102	28/03/2020 - 11/04/2020	KKTE130	Nguyễn Minh Đăng
						7	6	5	E2-102	28/03/2020 - 11/04/2020	KKTE130	Nguyễn Minh Đăng
QT126	Kinh tế vi mô (3+0)	45	3	HK2.TX.01	50	8	1	5	I3-303	29/03/2020 - 19/04/2020	KKTE012	Phạm Thị Thanh Thủy
						8	1	5	I3-303	26/04/2020 - 26/04/2020	KKTE012	Phạm Thị Thanh Thủy
						8	6	5	I3-304	29/03/2020 - 19/04/2020	KKTE012	Phạm Thị Thanh Thủy
QT127	Kinh tế vĩ mô (3+0)	45	3	HK2.TX.01	50	7	1	5	I4-310	18/04/2020 - 09/05/2020	KKTE049	Nguyễn Hữu Tịnh
						7	1	5	I4-310	16/05/2020 - 16/05/2020	KKTE049	Nguyễn Hữu Tịnh
						7	6	5	I4-310	18/04/2020 - 09/05/2020	KKTE049	Nguyễn Hữu Tịnh

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu



THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Lớp: Đại học Giáo dục tiểu học LTCQ từ CĐ (KLB20TH01) - Ngành ĐH Giáo dục Tiểu học - Khoa Sư phạm Tiểu học Mầm non

Ngày bắt đầu học kỳ : 06/01/2020 (Tuần 21)

Mã MH	Tên môn học	Số tiết MH	Số TC	NH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
										123456789012345678901234567890		
Môn đã xếp thời khóa biểu												
TH235	Cơ sở tự nhiên xã hội (3+0)	45	3	HK2.TX.01	50	7	11	3	F3-106	16/05/2020 - 16/05/2020	XHNV002	Bùi Thị Huệ
						8	1	5	E2-102	26/04/2020 - 17/05/2020	XHNV002	Bùi Thị Huệ
						8	6	5	E2-101	26/04/2020 - 17/05/2020	XHNV002	Bùi Thị Huệ
						8	11	2	E2-101	17/05/2020 - 17/05/2020	XHNV002	Bùi Thị Huệ
TH236	Văn học thiếu nhi (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	I4-314	07/03/2020 - 21/03/2020	TDMU063	Đặng Thị Hòa
						7	6	5	F3-106	07/03/2020 - 21/03/2020	TDMU063	Đặng Thị Hòa
TH237	Cơ sở ngôn ngữ của học sinh Tiểu học (3+0)	45	3	HK2.TX.01	50	7	1	5	I4-107	11/04/2020 - 02/05/2020	XHNV022	Nhữ Thị Trúc Linh
						7	1	5	F3-106	09/05/2020 - 09/05/2020	XHNV022	Nhữ Thị Trúc Linh
						7	6	5	E2-102	11/04/2020 - 02/05/2020	XHNV022	Nhữ Thị Trúc Linh
TH238	Cơ sở toán học của môn Toán tiểu học (3+0)	45	3	HK2.TX.01	50	7	1	5	F3-104	28/03/2020 - 28/03/2020	KHTN079	Dương Thanh Huyền
						8	1	5	F3-102	15/03/2020 - 05/04/2020	KHTN079	Dương Thanh Huyền
						8	6	5	F3-101	15/03/2020 - 05/04/2020	KHTN079	Dương Thanh Huyền
Môn chưa xếp / không xếp thời khóa biểu												
TH239	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục (0+2)	60	2	HK2.TX.01	50			5				

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP**

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Lớp: Đại học Ngôn ngữ Anh VLVH (KVV20AV01) - Ngành ĐH Ngôn ngữ Anh - Khoa Ngoại ngữ

Ngày bắt đầu học kỳ : 06/01/2020 (Tuần 21)

Mã MH	Tên môn học	Số tiết MH	Số TC	NH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
										123456789012345678901234567890		
Môn đã xếp thời khóa biểu												
AV299	Cross - cultural communication (0+2)	60	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	A4-102	02/05/2020 - 16/05/2020	KHNN007	Nguyễn Thị Xuân Hồi
						7	6	5	A4-102	02/05/2020 - 16/05/2020	KHNN007	Nguyễn Thị Xuân Hồi
						8	1	5	A4-102	03/05/2020 - 17/05/2020	KHNN007	Nguyễn Thị Xuân Hồi
						8	6	5	A4-102	03/05/2020 - 17/05/2020	KHNN007	Nguyễn Thị Xuân Hồi
AV308	English as a global language (3+0)	45	3	HK2.TX.01	50	7	1	5	A4-102	28/03/2020 - 18/04/2020	KHNN112	Nguyễn Thanh Xuân
						7	1	5	A4-102	25/04/2020 - 25/04/2020	KHNN112	Nguyễn Thanh Xuân
						7	6	5	A4-102	28/03/2020 - 18/04/2020	KHNN112	Nguyễn Thanh Xuân
AV309	Introduction to English language (3+0)	45	3	HK2.TX.01	50	8	1	5	A4-102	29/03/2020 - 19/04/2020	NNAN001	Trần Thanh Dũ
						8	1	5	A4-102	26/04/2020 - 26/04/2020	NNAN001	Trần Thanh Dũ
						8	6	5	A4-102	29/03/2020 - 19/04/2020	NNAN001	Trần Thanh Dũ
DC102	Nhập môn nghiên cứu khoa học (2+0)	30	2	HK2.TX.01	130	8	1	5	D-102	08/03/2020 - 22/03/2020	LLCT015	Phạm Hồng Kiên
						8	6	5	D-102	08/03/2020 - 22/03/2020	LLCT015	Phạm Hồng Kiên
DC103	Tư duy biện luận - sáng tạo (2+0)	30	2	HK2.TX.01	130	7	1	5	D-103	07/03/2020 - 21/03/2020	LLCT017	Đinh Hồng Phúc
						7	6	5	D-103	07/03/2020 - 21/03/2020	LLCT017	Đinh Hồng Phúc

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP**

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Lớp: Đại học Giáo dục mầm non VLVH (KVV20MN01) - Ngành ĐH Giáo dục Mầm non - Khoa Sư phạm Tiểu học Mầm non

Ngày bắt đầu học kỳ : 06/01/2020 (Tuần 21)

Ngày tạo dữ liệu: 17/03/2020 (Thứ 22)

Mã MH	Tên môn học	Số tiết MH	Số TC	NH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
										123456789012345678901234567890		
Môn đã xếp thời khóa biểu												
DC102	Nhập môn nghiên cứu khoa học (2+0)	30	2	HK2.TX.01	130	8	1	5	D-102	08/03/2020 - 22/03/2020	LLCT015	Phạm Hồng Kiên
						8	6	5	D-102	08/03/2020 - 22/03/2020	LLCT015	Phạm Hồng Kiên
DC103	Tư duy biện luận - sáng tạo (2+0)	30	2	HK2.TX.01	130	7	1	5	D-103	07/03/2020 - 21/03/2020	LLCT017	Đinh Hồng Phúc
						7	6	5	D-103	07/03/2020 - 21/03/2020	LLCT017	Đinh Hồng Phúc
GD081	Giáo dục học đại cương (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	8	1	5	I4-311	29/03/2020 - 12/04/2020	KHGD011	Lê Thị Hồng Xuân
						8	6	5	I4-314	29/03/2020 - 12/04/2020	KHGD011	Lê Thị Hồng Xuân
MN185	Nhập môn ngành giáo dục mầm non (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	I4-311	18/04/2020 - 02/05/2020	SPTM013	Nguyễn Thị Ngọc Hân
						7	6	5	I4-314	18/04/2020 - 02/05/2020	SPTM013	Nguyễn Thị Ngọc Hân
NV012	Tiếng Việt thực hành (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	I4-311	28/03/2020 - 11/04/2020	XHNV044	Phạm Phương Mai
						7	6	5	I4-309	28/03/2020 - 11/04/2020	XHNV044	Phạm Phương Mai
TL003	Tâm lý học đại cương (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	8	1	5	I4-311	19/04/2020 - 03/05/2020	SPTM047	Đổng Văn Toàn
						8	6	5	I4-311	19/04/2020 - 03/05/2020	SPTM047	Đổng Văn Toàn
TO030	Toán cơ sở (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	I4-311		KHTN050	Huỳnh Hoa Kim Long
						7	6	5	I4-311		KHTN050	Huỳnh Hoa Kim Long

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu



THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Lớp: Đại học Quản trị kinh doanh VLVH (KVV20QT01) - Ngành ĐH Quản trị Kinh doanh - Khoa Khoa Kinh Tế

Ngày bắt đầu học kỳ : 06/01/2020 (Tuần 21)

Mã MH	Tên môn học	Số tiết MH	Số TC	NH	Số SV	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Thời gian học	Mã viên chức	Họ và tên
										123456789012345678901234567890		
Môn đã xếp thời khóa biểu												
DC103	Tư duy biện luận - sáng tạo (2+0)	30	2	HK2.TX.03	130	7	1	5	E3-102	07/03/2020 - 21/03/2020	KKTR005	Lê Thị Thanh Loan
						7	6	5	E3-102	07/03/2020 - 21/03/2020	KKTR005	Lê Thị Thanh Loan
LU004	Pháp luật đại cương (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	8	1	5	I4-309	08/03/2020 - 22/03/2020	LUAT018	Nguyễn Ngọc Thảo PI
						8	6	5	I4-309	08/03/2020 - 22/03/2020	LUAT018	Nguyễn Ngọc Thảo PI
LU007	Luật kinh tế (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	8	1	5	D-102	10/05/2020 - 24/05/2020	TDMU151	Đoàn Thị ánh Ngọc
						8	6	5	D-102	10/05/2020 - 24/05/2020	TDMU151	Đoàn Thị ánh Ngọc
QT126	Kinh tế vi mô (3+0)	45	3	HK2.TX.01	50	8	1	5	I3-303	29/03/2020 - 19/04/2020	KKTE012	Phạm Thị Thanh Thùy
						8	1	5	I3-303	26/04/2020 - 26/04/2020	KKTE012	Phạm Thị Thanh Thùy
						8	6	5	I3-304	29/03/2020 - 19/04/2020	KKTE012	Phạm Thị Thanh Thùy
QT143	Nhập môn ngành quản trị kinh doanh (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	I4-310	28/03/2020 - 11/04/2020	KHNN001	Trần Thị Thanh Hằng
						7	6	5	I4-310	28/03/2020 - 11/04/2020	KHNN001	Trần Thị Thanh Hằng
QT144	Thực hành Nhập môn ngành quản trị kinh doanh (0+1)	30	1	HK2.TX.01	50	7	1	5	F3-103	18/04/2020 - 02/05/2020	KHNN001	Trần Thị Thanh Hằng
						7	6	5	F3-103	18/04/2020 - 02/05/2020	KHNN001	Trần Thị Thanh Hằng
TO093	Toán cao cấp C1 (2+0)	30	2	HK2.TX.01	50	7	1	5	F3-102	09/05/2020 - 23/05/2020	SPTM045	Bùi Thị Ngọc Hân
						7	6	5	F3-102	09/05/2020 - 23/05/2020	SPTM045	Bùi Thị Ngọc Hân

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu



**DANH SÁCH SINH VIÊN
HỆ THƯỜNG XUYỀN ĐỢT 3 NĂM 2019**

NGÀNH: QUẢN TRỊNH KINH DOANH (Cao đẳng liên thông lên đại học)

MÃ LỚP: KLB20QT01

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Nơi sinh	Mã số sinh viên	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Ân	Nam	01/10/1989	301302557	Long An	2033401010001	
2	Hoàng Văn Bắc	Nam	12/07/1991	241207407	Đắk Lắk	2033401010002	
3	Lương Văn Bảo	Nam	08/08/1990	280958298	Bình Dương	2033401010003	
4	Phạm Thị Cẩm Châu	Nữ	28/04/1970	280432004	Bình Dương	2033401010004	
5	Lê Văn Cường	Nam	12/04/1991	280978217	Bình Dương	2033401010005	
6	Nguyễn Anh Đài	Nam	12/10/1990	285537643	Hải Dương	2033401010006	
7	Ngô Minh Đạt	Nam	15/07/1991	371412686	Kiên Giang	2033401010007	
8	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	17/06/1993	281271768	Hà Giang	2033401010008	
9	Nguyễn Thiện Hoà	Nam	01/01/1993	281052519	Đồng Nai	2033401010009	
10	Thân Thị Kim Hồng	Nữ	26/05/1993	280996018	Bình Dương	2033401010010	
11	Vũ Minh Khánh	Nam	14/01/1995	034095003861	Thái Bình	2033401010011	
12	Ngô Thị Mỹ Lệ	Nữ	21/04/1963	280077096	Bình Dương	2033401010012	
13	Hồ Phi Long	Nam	10/05/1988	186100909	Nghệ An	2033401010013	
14	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	06/06/1993	173653543	Thanh Hóa	2033401010014	
15	Đoàn Thị Hoa Phượng	Nữ	02/03/1967	280404644	Bình Dương	2033401010015	
16	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	02/12/1991	280971678	Bình Dương	2033401010016	
17	Huỳnh Thanh Sơn	Nam	01/01/1991	365894949	Sóc Trăng	2033401010017	
18	Tô Văn Thắng	Nam	15/01/1990	281128068	Thanh Hóa	2033401010018	
19	Lương Thị Yến Thanh	Nữ	24/04/1992	280989120	Bình Dương	2033401010019	
20	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	03/02/1992	321453230	Bến Tre	2033401010020	
21	Đỗ Trường Thiên	Nam	07/07/1997	250991689	Quảng Ngãi	2033401010021	
22	Lê Thị Yến Thu	Nữ	23/10/1972	280503339	Bình Dương	2033401010022	
23	Đỗ Khai Trí	Nam	25/01/1991	281039139	Bình Dương	2033401010023	
24	Nguyễn Ngọc Tường	Nam	01/05/1996	215366177	Bình Định	2033401010024	
25	Phan Bảo Dân	Nam	06/06/1988	280931019	Bình Dương	2033401010025	
26	Lê Thị Thùy	Nữ	21/07/1990	281327361	Hải Phòng	2033401010026	

**DANH SÁCH SINH VIÊN
HỆ THƯỜNG XUYỀN ĐỢT 3 NĂM 2019**

NGÀNH: SƯ PHẠM NGŨ VĂN (Cao đẳng liên thông lên đại học)

MÃ LỚP: KLB20NV01

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Nơi sinh	Mã số sinh viên	Ghi chú
1	Ngô Thị Phương Anh	Nữ	16/10/1981	023571677	Tp.Hồ Chí Minh	2031402170001	
2	Trần Văn Đều	Nam	15/03/1997	312322644	Tiền Giang	2031402170002	
3	Phạm Thị Thúy Diễm	Nữ	23/08/1982	079182002538	Tiền Giang	2031402170003	
4	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Nữ	06/09/1992	280962614	Bình Dương	2031402170004	
5	Nguyễn Lê Trường Giang	Nữ	04/11/1994	281041402	Tp.Hồ Chí Minh	2031402170005	
6	Nguyễn Trần Phi Hải	Nam	31/07/1977	280616511	Bình Dương	2031402170006	
7	Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	07/10/1994	025137297	Tp.Hồ Chí Minh	2031402170007	
8	Đặng Thị Hằng	Nữ	17/11/1989	281155456	Thái Bình	2031402170008	
9	Nguyễn Thị Hương	Nữ	22/01/1994	281122392	Bình Dương	2031402170009	
10	Nguyễn Thị Hương	Nữ	05/07/1989	241041549	Đắk Lắk	2031402170010	
11	Hồ Diệu Linh	Nữ	09/03/1988	280918203	Bình Dương	2031402170011	
12	Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	16/08/1993	281024425	Bình Dương	2031402170012	
13	Bùi Thị Loan	Nữ	25/10/1990	234190007930	Thái Bình	2031402170013	
14	Hà Xuân Mai	Nữ	15/08/1996	079196006145	Tp.Hồ Chí Minh	2031402170014	
15	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	20/06/1978	024784567	Thanh Hóa	2031402170015	
16	Lê Thị Thu Nguyệt	Nữ	30/09/1979	023514242	Kiên Giang	2031402170016	
17	Tô Thị Nhi	Nữ	06/09/1993	040193000432	Nghệ An	2031402170017	
18	Ngô Thị Oanh	Nữ	18/07/1977	025695956	Nghệ An	2031402170018	
19	Trần Minh Phụng	Nữ	01/11/1990	241174204	Đắk Lắk	2031402170019	
20	Vũ Ngọc Uyên	Nữ	14/05/1997	079197004606	Tp.Hồ Chí Minh	2031402170020	
21	Nguyễn Thị Hoa Quỳnh	Nữ	20/01/1991	125491847	Bắc Ninh	2031402170021	
22	Nguyễn Thị Sen	Nữ	23/07/1988	025929226	Nghệ An	2031402170022	
23	Đinh Thị Thoa	Nữ	20/05/1989	036189006662	Nam Định	2031402170023	
24	Lê Thanh Thuận	Nữ	22/12/1978	280653501	Bình Dương	2031402170024	
25	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	04/11/1980	023408940	Tp.Hồ Chí Minh	2031402170025	
26	Trần Quốc Tuấn	Nam	06/12/1988	271914299	Đồng Nai	2031402170026	
27	Đỗ Thị Yến	Nữ	29/07/1992	163147319	Nam Định	2031402170027	

**DANH SÁCH SINH VIÊN
HỆ THƯỜNG XUYÊN ĐỢT 3 NĂM 2019**

NGÀNH: SƯ PHẠM LỊCH SỬ (Cao đẳng liên thông lên đại học)

MÃ LỚP: KLB20LS01

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Nơi sinh	Mã số sinh viên	Ghi chú
1	Nguyễn Tấn Đạt	Nam	19/08/1989	079089014690	Tp.Hồ Chí Minh	2031402180001	
2	Ngô Thị Diệp	Nữ	08/05/1987	034187004111	Thái Bình	2031402180002	
3	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ	23/03/1974	280796934	Hòa Bình	2031402180003	
4	Vũ Thị Hạnh	Nữ	08/10/1991	035191003103	Hà Nam	2031402180004	
5	Cao Minh Hào	Nam	25/12/1968	022362456	Tp.HCM	2031402180005	
6	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	14/08/1993	241410868	Đắk Lắk	2031402180006	
7	Thái Ngọc Hoài	Nam	30/10/1993	281027443	Bình Dương	2031402180007	
8	Lương Tuyết Hồng	Nữ	08/11/1987	024258496	Tp.Hồ Chí Minh	2031402180008	
9	Trần Thị Xuân Hương	Nữ	12/02/1993	280996125	Bình Dương	2031402180009	
10	Nguyễn Hữu Lễ	Nam	05/07/1971	290508178	Tây Ninh	2031402180010	
11	Lê Thị Liên	Nữ	30/10/1978	281190546	Thanh Hóa	2031402180011	
12	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	22/05/1990	024464241	Tp.Hồ Chí Minh	2031402180012	
13	Vương Thanh Loan	Nữ	23/09/1977	079177005377	Tp.Hồ Chí Minh	2031402180013	
14	Trần Thị Mai	Nữ	10/02/1982	280775517	Bình Phước	2031402180014	
15	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	17/06/1990	033190003919	Hung Yên	2031402180015	
16	Nguyễn Kim Ngọc	Nữ	13/06/1992	281015718	Bình Dương	2031402180016	
17	Lê Thị Thảo Nguyên	Nữ	30/04/1992	079192008893	Tp.HCM	2031402180017	
18	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Nữ	17/07/1991	245081391	Đắk Lắk	2031402180018	
19	Thái Thị Mỹ Nhung	Nữ	01/07/1993	281366660	Bình Phước	2031402180019	
20	Bồ Minh Pha	Nữ	09/10/1990	024383484	Tp.Hồ Chí Minh	2031402180020	
21	Lê Minh Quân	Nam	03/04/1994	281036056	Sông Bé	2031402180021	
22	Mai Thị Thanh Tao	Nữ	10/06/1981	023407282	Tp.Hồ Chí Minh	2031402180022	
23	Phan Thị Hồng Thắm	Nữ	10/07/1994	281082851	Đồng Nai	2031402180023	
24	Mai Thanh Thùy	Nữ	01/10/1994	281040073	Bình Dương	2031402180024	
25	Võ Hoa Tiên	Nữ	24/04/1982	025270569	Tiền Giang	2031402180025	
26	Nguyễn Thị Bích Trang	Nữ	01/04/1987	089187000323	An Giang	2031402180026	
27	Trần Thị Trinh	Nữ	03/01/1997	025759987	Tp.Hồ Chí Minh	2031402180027	
28	Đinh Thị Dung Trinh	Nữ	10/07/1989	280954615	Bình Dương	2031402180028	
29	Võ Thị Lan Vi	Nữ	21/11/1994	281040582	Bình Dương	2031402180029	
30	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	Nữ	09/03/1992	079192007171	Tp.Hồ Chí Minh	2031402180030	



DANH SÁCH SINH VIÊN
HỆ THƯỜNG XUYỀN ĐỢT 3 NĂM 2019

NGÀNH: ĐỊA LÝ HỌC (Cao đẳng liên thông lên đại học)

MÃ LỚP: KLB20DL01

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Nơi sinh	Mã số sinh viên	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Khánh Chi	Nữ	14/11/1997	281205235	Bình Dương	2033105010001	
2	Từ Tấn Đạt	Nam	30/04/1993	024910364	Tp. Hồ Chí Minh	2033105010002	
3	Phan Thị Kim Dung	Nữ	24/11/1986	079186015147	Tp. Hồ Chí Minh	2033105010003	
4	Huỳnh Thị Thùy Dương	Nữ	13/02/1996	281085721	Bình Dương	2033105010004	
5	Võ Thị Phượng Hào	Nữ	20/04/1984	089184000388	An Giang	2033105010005	
6	Lê Minh Hiền	Nữ	15/06/1996	281095818	Bình Dương	2033105010006	
7	Phan Ngọc Huyền	Nữ	06/02/1993	281052746	Bình Dương	2033105010007	
8	Lê Thị Lan	Nữ	25/09/1993	187339571	Nghệ An	2033105010008	
9	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Nữ	16/02/1993	2644333382	Ninh Thuận	2033105010009	
10	Nguyễn Linh Linh	Nữ	05/12/1995	281081105	Bình Dương	2033105010010	
11	Trịnh Thị Mai	Nữ	18/06/1981	280746434	Thanh Hóa	2033105010011	
12	Phạm Văn Minh	Nam	05/05/1989	072089004712	Tây Ninh	2033105010012	
13	Bồ Thị Bảo Ny	Nữ	06/05/1996	281113848	Bình Dương	2033105010013	
14	Trịnh Lê Pháp	Nam	13/06/1995	025356456	Tp. Hồ Chí Minh	2033105010014	
15	Trần Thị Lệ Quyên	Nữ	13/03/1980	280723464	Bình Dương	2033105010015	
16	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	28/07/1987	281297213	Sông Bé	2033105010017	
17	Nguyễn Quốc Thắng	Nam	29/12/1978	281148325	Nghệ An	2033105010018	
18	Nguyễn Hữu Thành	Nam	03/07/1996	281065421	Sông Bé	2033105010019	
19	Tạ Ngọc Linh Thi	Nữ	05/01/1997	281139919	Bình Dương	2033105010020	
20	Châu Hoàng Thi	Nam	04/10/1984	023883175	Tp. Hồ Chí Minh	2033105010021	
21	Lư Kim Thiện	Nữ	19/12/1988	079188007676	Tp. Hồ Chí Minh	2033105010022	
22	Trương Thị Út Thoa	Nữ	01/12/1994	281044951	Bình Dương	2033105010023	
23	Nguyễn Ngọc Thảo	Nữ	06/02/1993	281007680	Bình Dương	2033105010024	
24	Nguyễn Thanh Thuận	Nữ	15/05/1990	079190011405	Tp. Hồ Chí Minh	2033105010025	
25	Đỗ Thị Thu Thủy	Nữ	07/08/1993	281005053	Bình Dương	2033105010026	
26	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	24/02/1997	241649781	Đắk Lắk	2033105010027	
27	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nữ	30/11/1997	281140880	Bình Dương	2033105010028	
28	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Nữ	15/11/1993	281076270	Bình Dương	2033105010029	
29	Nguyễn Thế Vinh	Nam	28/09/1997	025565555	Tp. Hồ Chí Minh	2033105010031	
30	Đỗ Hoàng Diệp Xuân	Nữ	06/01/1995	215347379	Bình Định	2033105010032	
31	Đặng Thị Xuân	Nữ	10/05/1975	044175000629	Quảng Bình	2033105010033	



**DANH SÁCH SINH VIÊN
HỆ THƯỜNG XUYÊN ĐỢT 3 NĂM 2019**

NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON (Cao đẳng liên thông lên đại học)

MÃ LỚP: KLB20MN01

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Nơi sinh	Mã số sinh viên	Ghi chú	
1	Hồ Thị Kim	Đầy	Nữ	21/05/1990	280980960	Bình Dương	2031402010001	
2	Đoàn Đức Trọng	Giàu	Nữ	09/03/1992	285255313	Bình Phước	2031402010002	
3	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	14/10/1990	280947227	Bình Dương	2031402010003	
4	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	07/02/1984	280818423	Bình Dương	2031402010004	
5	Lê Thị	Hằng	Nữ	19/07/1988	280921334	Bình Dương	2031402010005	
6	Lang Thị Hồng	Hạnh	Nữ	05/02/1993	280982803	Bình Phước	2031402010006	
7	Nguyễn Kim	Hạnh	Nữ	04/01/1994	291066107	Tây Ninh	2031402010007	
8	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	20/10/1995	231042146	Gia Lai	2031402010008	
9	Thân Thị Kiều	Hòa	Nữ	17/02/1991	025850424	Bắc Giang	2031402010009	
10	Nguyễn Thị Phi	Liên	Nữ	16/10/1984	280865054	Bình Dương	2031402010010	
11	Nguyễn Thị Phương	Nam	Nữ	14/12/1992	280986366	Bình Dương	2031402010011	
12	Nguyễn Thị Hiếu	Nghĩa	Nữ	13/02/1980	280731299	Bình Dương	2031402010012	
13	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	14/07/1991	301440120	Long An	2031402010013	
14	Duy Ngọc Uyên	Phương	Nữ	30/12/1996	281065844	Bình Dương	2031402010014	
15	Trương Bách Đông	Phương	Nữ	12/10/1979	070179000035	Bình Phước	2031402010015	
16	Hồ Thị	Phượng	Nữ	06/01/1991	280970352	Bình Dương	2031402010016	
17	Võ Bích	Quyên	Nữ	04/12/1988	280941188	Bình Dương	2031402010017	
18	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	22/12/1993	281276716	Nghệ An	2031402010018	
19	Nguyễn Thị Lan	Thảo	Nữ	04/07/1992	280965987	Bình Dương	2031402010019	
20	Phan Nguyễn Thanh	Trà	Nữ	30/10/1994	281052523	Bình Dương	2031402010020	
21	Tô Thị Huyền	Trang	Nữ	07/04/1992	281297509	Đắk Lắk	2031402010021	
22	Nguyễn Ngọc	Tuyết	Nữ	03/06/1983	280791884	Bình Dương	2031402010022	
23	Trần Lệ	Xuân	Nữ	15/03/1988	280889367	Bình Dương	2031402010023	
24	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	01/01/1984	280819923	Bình Dương	2031402010024	
25	Đỗ Thị	Sen	Nữ	10/06/1986	280853320	Bình Dương	2031402010025	
26	Nguyễn Thị Bích	Trang	Nữ	07/12/1991	280943945	Bình Dương	2031402010026	
27	Bùi Thị Kim	Tho	Nữ	01/01/1989	280921164	Bình Dương	2031402010027	
28	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	23/11/1989	280922989	Bình Dương	2031402010028	
29	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	01/02/1990	280938279	Bình Dương	2031402010029	



**DANH SÁCH SINH VIÊN
HỆ THƯỜNG XUYÊN ĐỢT 3 NĂM 2019**

NGÀNH: GIÁO DỤC TIỂU HỌC (Cao đẳng liên thông lên đại học)

MÃ LỚP: KLB20TH01

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Nơi sinh	Mã số sinh viên	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	18/01/1994	281047266	Bình Dương	2031402020001	
2	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	Nữ	23/04/1994	281076022	Bình Dương	2031402020002	
3	Huỳnh Thị Bé	Nữ	17/07/1993	281000795	Bình Dương	2031402020003	
4	Nguyễn Thị Bình	Nữ	25/05/1980	280724897	Bình Dương	2031402020004	
5	Trương Thị Kim Chi	Nữ	15/04/1993	281001341	Bình Dương	2031402020005	
6	Nguyễn Thị Chi	Nữ	15/09/1991	280990619	Thái Bình	2031402020006	
7	Bùi Thị Kim Chung	Nữ	11/12/1990	280938035	Bình Dương	2031402020007	
8	Võ Thị Thu Cúc	Nữ	08/10/1982	280825760	Bình Dương	2031402020008	
9	Đặng Thị Hồng Diệp	Nữ	14/08/1990	280930470	Bình Dương	2031402020009	
10	Phạm Thị Mỹ Dung	Nữ	28/11/1993	281041288	Bình Dương	2031402020010	
11	Trần Thị Cẩm Duyên	Nữ	17/04/1992	280955902	Bình Dương	2031402020011	
12	Lưu Thị Mỹ Duyên	Nữ	13/02/1995	281071770	Sông Bé	2031402020012	
13	Bùi Nhung Gấm	Nữ	18/05/1993	281014478	Bình Dương	2031402020013	
14	Trần Thanh Hà	Nữ	06/09/1992	281004050	Bình Dương	2031402020014	
15	Nguyễn Thị Hà	Nữ	15/02/1991	280946501	Bình Dương	2031402020015	
16	Hoàng Thị Thu Hải	Nữ	15/03/1995	231049622	Gia Lai	2031402020016	
17	Bùi Thị Ngọc Hân	Nữ	01/01/1991	281008799	Bình Dương	2031402020017	
18	Phạm Thị Thanh Hằng	Nữ	29/04/1992	2809866330	Sông Bé	2031402020018	
19	Trần Thị Hồng Hạnh	Nữ	28/01/1994	281075457	Bình Dương	2031402020019	
20	Bồ Ngọc Hào	Nữ	26/04/1987	280873432	Bình Dương	2031402020020	
21	Nguyễn Thanh Hiền	Nữ	21/02/1993	281027580	Bình Dương	2031402020021	
22	Hà Thị Hoa	Nữ	16/11/1994	285562854	Thanh Hóa	2031402020022	
23	Đinh Thị Hoài	Nữ	25/01/1995	281064656	Sông Bé	2031402020023	
24	Đỗ Thị Thu Hồng	Nữ	07/06/1998	245284433	Đắk Lắk	2031402020024	
25	Trương Thị Mỹ Khánh	Nữ	21/09/1995	334859998	Trà Vinh	2031402020025	
26	Huỳnh Thị Lan	Nữ	08/05/1995	281044354	Bình Dương	2031402020026	
27	Phù Nguyễn Yến Linh	Nữ	24/03/1997	281123303	Bình Dương	2031402020027	
28	Phan Thị Mai	Nữ	20/02/1996	281127492	Bình Dương	2031402020028	
29	Nguyễn Thị Mai	Nữ	31/03/1991	280995258	Bình Dương	2031402020029	
30	Huỳnh Ngọc Trúc Mai	Nữ	17/01/1993	280985005	Bình Dương	2031402020030	
31	Nguyễn Văn Mới	Nam	03/06/1968	280397292	Bình Dương	2031402020031	
32	Lê Thị Kim Mỹ	Nữ	06/01/1986	281335965	Đồng Nai	2031402020032	
33	Dương Thị Na	Nữ	10/02/1992	280995089	Quảng Trị	2031402020033	
34	Hà Hữu Ngọc	Nam	20/04/1992	281003807	Thanh Hóa	2031402020034	



STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Nơi sinh	Mã số sinh viên	Ghi chú
35	Lê Thảo Nguyên	Nữ	07/04/1993	280996187	Bình Dương	2031402020035	
36	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Nữ	11/09/1993	280984824	Bình Dương	2031402020036	
37	Trần Thị Yến Nhi	Nữ	29/06/1993	281001400	Sông Bé	2031402020037	
38	Trần Thị Nhung	Nữ	11/05/1998	233363018	Đắk Lắk	2031402020038	
39	Phan Thị Ngọc Nở	Nữ	1987	280881264	Bình Dương	2031402020039	
40	Phan Hồng Phụng	Nữ	08/10/1993	280985859	Bình Dương	2031402020040	
41	Lâm Đăng Trúc	Nữ	08/12/1972	365175208	Sóc Trăng	2031402020041	
42	Lưu Hoàng Phi	Nữ	23/09/1994	281077044	Bình Dương	2031402020042	
43	Trương Thị Lệ Quý	Nữ	10/07/1992	281041297	Bình Dương	2031402020043	
44	Cao Thị Kim Son	Nữ	17/02/1993	281001247	Bình Dương	2031402020044	
45	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	23/02/1994	281046738	Hà Tây	2031402020045	
46	Phạm Thị Thảo	Nữ	08/01/1997	285613521	Thái Bình	2031402020046	
47	Đào Thị Hoàng Thi	Nữ	14/02/1995	281112710	Bình Dương	2031402020047	
48	Nguyễn Thị Kim Thúy	Nữ	25/02/1987	280862993	Bình Dương	2031402020048	
49	Nguyễn Thị Anh Thy	Nữ	19/09/1987	280895050	Bình Dương	2031402020049	
50	Vương Thị Cẩm Tiên	Nữ	17/06/1992	281027304	Bình Dương	2031402020050	
51	Đỗ Thị Hồng Trang	Nữ	28/06/1991	280943567	Bình Dương	2031402020051	
52	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	05/10/1993	280985748	Bình Dương	2031402020052	
53	Phạm Thị Mỹ Trang	Nữ	24/07/1991	371344323	Kiên Giang	2031402020053	
54	Nguyễn Thị Trang	Nữ	19/05/1991	280952737	Hà Tĩnh	2031402020054	
55	Phạm Thị Trinh	Nữ	13/11/1992	281001282	Bình Dương	2031402020055	
56	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Nữ	17/02/1992	280970660	Bình Dương	2031402020056	
57	Võ Ngọc Thanh Trúc	Nữ	01/09/1995	281063075	Bình Dương	2031402020057	
58	Lê Thị Kim Tuyền	Nữ	16/12/1992	281001527	Sông Bé	2031402020058	
59	Phan Thị Tuyền	Nữ	09/03/1993	245173785	Đắk Nông	2031402020059	
60	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nữ	02/01/1991	281016012	Bình Dương	2031402020060	
61	Lương Thị Tố Uyên	Nữ	18/12/1995	245281618	Hà Tĩnh	2031402020061	
62	Nguyễn Thị Trà Vân	Nữ	02/09/1992	280976228	Bình Dương	2031402020062	
63	Nguyễn Thị Xuân Hoa	Nữ	05/07/1975	280578822	Bình Dương	2031402020063	
64	Trần Thị Hồng Hoa	Nữ	17/08/1993	281273401	Kon Tum	2031402020064	
65	Trương Thị Ái Nữ Sinh	Nữ	08/08/1992	280989238	Đồng Nai	2031402020065	



**DANH SÁCH SINH VIÊN
HỆ THƯỜNG XUYỀN ĐỢT 3 NĂM 2019**

NGÀNH: HỆ THỐNG THÔNG TIN (Cao đẳng liên thông lên đại học)

MÃ LỚP: KLB20HT01

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Nơi sinh	Mã số sinh viên	Ghi chú
1	Nguyễn Gia Bảo	Nam	14/09/1995	285434599	Bình Phước	2034801040001	
2	Dương Phạm Ngọc Diễm	Nữ	13/09/1994	281032501	Bình Dương	2034801040002	
3	Huỳnh Cẩm Hà	Nữ	12/02/1994	281040001	Bình Dương	2034801040003	
4	Hoàng Ngọc Hải	Nam	10/01/1992	197253504	Quảng Trị	2034801040004	
5	Lê Khắc Hận	Nữ	16/04/1984	023843139	Tp.Hồ Chí Minh	2034801040005	
6	Nguyễn Thị Hường	Nữ	02/02/1993	245295805	Nam Định	2034801040006	
7	Đào Thị Huy	Nữ	19/06/1982	023790749	Tp.Hồ Chí Minh	2034801040007	
8	Nguyễn Văn Lộc	Nam	01/10/1992	280996170	Bình Dương	2034801040008	
9	Phạm Bá Nam	Nam	09/06/1993	281061599	Bình Dương	2034801040009	
10	Vũ Thị Ngọc	Nữ	19/01/1991	281297622	Sông Bé	2034801040010	
11	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Nữ	23/06/1994	281016927	Bình Dương	2034801040011	
12	Lê Thanh Nhân	Nam	05/12/1991	280952630	Long An	2034801040012	
13	Trần Thị Oanh	Nữ	06/09/1987	280915606	Thanh Hóa	2034801040013	
14	Lê Thanh Phong	Nam	10/07/1992	280996221	Bình Dương	2034801040014	
15	Hoàng Văn Phước	Nam	20/01/1994	174053147	Thanh Hóa	2034801040015	
16	Nguyễn Thị Phương	Nữ	01/01/1989	281288742	Đắk Lắk	2034801040016	
17	Hoàng Kim Quyết	Nam	04/08/1994	233313781	Quảng Trị	2034801040017	
18	Huỳnh Thanh Sang	Nam	10/04/1992	024731592	Tp.Hồ Chí Minh	2034801040018	
19	Nguyễn Phúc Tân	Nam	03/06/1991	280962436	Bình Phước	2034801040019	
20	Nguyễn Thanh Tấn	Nam	10/01/1985	280847315	Bình Dương	2034801040020	
21	Trần Minh Thiện	Nam	28/07/1990	280927354	Bình Dương	2034801040021	
22	Huỳnh Hoa Tiên	Nữ	05/03/1995	321513897	Bến Tre	2034801040022	
23	Châu Minh Tín	Nam	05/05/1994	281075533	Bình Dương	2034801040023	
24	Trần Huỳnh Minh Trí	Nam	21/01/1983	280798886	Bình Dương	2034801040024	
25	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nữ	24/01/1992	285298665	Bình Phước	2034801040025	
26	Vũ Thị Vân	Nữ	04/11/1991	168396220	Hà Nam	2034801040026	
27	Lê Hồng Điệp	Nam	26/11/1989	272597525	Bến Tre	2034801040027	

**DANH SÁCH SINH VIÊN
HỆ THƯỜNG XUYỀN ĐỢT 3 NĂM 2019**

NGÀNH: KẾ TOÁN (Cao đẳng liên thông lên đại học)

MÃ LỚP: KLB20KT01

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Nơi sinh	Mã số sinh viên	Ghi chú
1	Trần Thị An	Nữ	20/01/1991	291056725	Bắc Giang	2033403010001	
2	Bùi Thị Ngọc Ánh	Nữ	05/10/1988	280828875	Bình Dương	2033403010002	
3	Phạm Thị Thanh Hà	Nữ	09/05/1986	014186000202	Sơn La	2033403010003	
4	Lê Minh Hạnh	Nam	23/02/1984	038084011728	Thanh Hóa	2033403010004	
5	Thái Thanh Hậu	Nữ	06/03/1993	285432654	Bình Dương	2033403010005	
6	Hoàng Thị Hiền	Nữ	23/06/1992	230797447	Gia Lai	2033403010006	
7	Đào Thị Thanh Hoàng	Nữ	14/03/1978	250397363	Lâm Đồng	2033403010007	
8	Phương Thị Mai Hồng	Nữ	09/03/1992	281000470	Hà Nội	2033403010008	
9	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	06/09/1998	285619791	Bình Phước	2033403010009	
10	Hà Trần Mỹ Linh	Nữ	05/07/1980	280731822	Bình Dương	2033403010010	
11	Huỳnh Thị Lộc	Nữ	12/08/1992	205509328	Quảng Nam	2033403010011	
12	Thới Thị Kiều My	Nữ	03/08/1996	212276568	Quảng Ngãi	2033403010013	
13	Tăng Bảo Ngọc	Nữ	28/07/1995	334758676	Trà Vinh	2033403010014	
14	Vương Thoại Nhân	Nữ	01/11/1990	288915927	Tp.Hồ Chí Minh	2033403010015	
15	Đỗ Thị Kim Nhung	Nữ	15/06/1996	215346059	Bình Định	2033403010016	
16	Lâm Thị Kiều Oanh	Nữ	21/05/1990	280972155	Bình Dương	2033403010017	
17	Lê Đình Hoàn Oanh	Nữ	22/06/1993	079193002272	Tp.Hồ Chí Minh	2033403010018	
18	Đỗ Ngọc Tài	Nữ	24/09/1993	281072267	Bình Dương	2033403010019	
19	Đặng Thị Bích Thi	Nữ	22/06/1991	233120343	Kon Tum	2033403010020	
20	Cao Thị Thi Thơ	Nữ	19/03/1990	271882819	Quảng Ngãi	2033403010021	
21	Lê Thị Thom	Nữ	18/09/1989	280914046	Sông Bé	2033403010022	
22	Trần Nguyễn Ngọc Thúy	Nữ	11/11/1997	312341114	Tiền Giang	2033403010023	
23	Hồ Thị Thùy	Nữ	06/01/1993	273442543	Quảng Ngãi	2033403010024	
24	Trương Hồng Diễm Trâm	Nữ	29/12/1991	280943790	Bình Dương	2033403010025	
25	Nguyễn Thị Ngọc Uyên	Nữ	29/03/1987	285186252	Sông Bé	2033403010026	
26	Trần Văn Xoan	Nam	03/01/1963	280829198	Hải Phòng	2033403010027	
27	Đặng Thị Diễm Trinh	Nữ	27/02/1987	280861620	Bình Dương	2033403010028	



**DANH SÁCH SINH VIÊN
HỆ THƯỜNG XUYỀN ĐỢT 3 NĂM 2019**

NGÀNH: KỸ THUẬT ĐIỆN (Cao đẳng liên thông lên đại học)

MÃ LỚP: KLB20DT01

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Nơi sinh	Mã số sinh viên	Ghi chú
1	Nguyễn Quốc Bảo	Nam	24/04/1992	024731046	Tp.Hồ Chí Minh	2035202010001	
2	Nguyễn Văn Báu	Nam	16/06/1990	186803650	Nghệ An	2035202010002	
3	Lê Đức Đệ	Nam	07/01/1988	261049931	Bình Thuận	2035202010003	
4	Lê Võ Anh Hào	Nam	26/07/1995	79095000173	Tp.Hồ Chí Minh	2035202010004	
5	Vì Trung Hiếu	Nam	05/09/1998	272651304	Tp.Hồ Chí Minh	2035202010005	
6	Nguyễn Trọng Khang	Nam	08/01/1979	079079009953	Tp.Hồ Chí Minh	2035202010006	
7	Đỗ Văn Khiêm	Nam	29/03/1988	212298330	Quảng Ngãi	2035202010007	
8	Bùi Duy Khôi	Nam	28/04/1992	212446064	Quảng Ngãi	2035202010008	
9	Lê Danh Nghĩa	Nam	06/07/1996	281166083	Bình Dương	2035202010009	
10	Bùi Đức Nghiêm	Nam	09/05/1996	371737972	Kiên Giang	2035202010010	
11	Cao Hữu Tài	Nam	21/10/1993	261295194	Bình Thuận	2035202010011	
12	Nguyễn Hoàng Tân	Nam	14/01/1992	024731475	Tp.Hồ Chí Minh	2035202010012	
13	Hoàng Vũ Thái	Nam	01/07/1994	245233360	Hải Dương	2035202010013	
14	Nguyễn Minh Thanh	Nam	21/10/1990	212612901	Quảng Ngãi	2035202010014	
15	Nguyễn Đình Thông	Nam	07/04/1993	281031097	Ninh Thuận	2035202010015	
16	Diệp Tấn Thu	Nam	22/09/1991	221310110	Phú Yên	2035202010016	
17	Nguyễn Văn Thuyết	Nam	04/11/1992	197267506	Quảng Trị	2035202010018	
18	Nguyễn Văn Trước	Nam	29/09/1992	241231165	Bình Định	2035202010019	
19	Trần Quốc Tuấn	Nam	26/03/1995	341836354	Đồng Tháp	2035202010020	
20	Nguyễn Quang Việt	Nam	03/11/1989	215114596	Bình Định	2035202010021	
21	Đồng Tuấn Vũ	Nam	01/07/1993	212320197	Quảng Ngãi	2035202010022	
21	Quách Hùng Diện	Nam	20/09/1993	251263101	Bình Định	2035202010023	
21	Vũ Quang Huy	Nam	06/02/1985	281194173	Vĩnh Phúc	2035202010024	



**DANH SÁCH SINH VIÊN
HỆ THƯỜNG XUYỀN ĐỢT 3 NĂM 2019**

NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH (Đại học văn bằng 2)

MÃ LỚP: KBV20AV01

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Nơi sinh	Mã số sinh viên	Ghi chú
1	Trần Tuấn Anh	Nam	02/05/1982	280817417	Bình Dương	20C2202010001	
2	Hoàng Phú Đức	Nam	14/11/1989	280970401	Hải Phòng	20C2202010002	
3	Trần Thị Phương Dung	Nữ	18/02/1990	288940046	Bình Dương	20C2202010003	
4	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Nữ	18/09/1995	285496230	Bình Phước	20C2202010004	
5	Lê Thị Phượng Giàu	Nữ	19/07/1982	280838881	An Giang	20C2202010005	
6	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	10/12/1986	280862179	Bình Dương	20C2202010006	
7	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	08/09/1986	280833237	Thanh Hóa	20C2202010007	
8	Trịnh Thị Hằng	Nữ	22/02/1982	281128696	Thanh Hóa	20C2202010008	
9	Nguyễn Thị Minh Hằng	Nữ	10/04/1992	281004480	Thanh Hóa	20C2202010009	
10	Nguyễn Ngọc Hồng Hạnh	Nữ	08/03/1997	281141385	Tp.Hồ Chí Minh	20C2202010010	
11	Đỗ Thu Hiền	Nữ	24/05/1987	280907208	Sông Bé	20C2202010011	
12	Nguyễn Thị Minh Hiệp	Nữ	21/09/1985	280833230	Bình Thuận	20C2202010012	
13	Phạm Thị Hoa	Nữ	26/02/1989	281235271	Thanh Hóa	20C2202010014	
14	Võ Xuân Hoài	Nam	09/10/1979	281345299	Nghệ An	20C2202010015	
15	Trần Thị Diệu Hồng	Nữ	23/01/1989	285161547	Bình Phước	20C2202010016	
16	Phạm Thanh Hùng	Nam	08/01/1990	194346039	Quảng Bình	20C2202010017	
17	Nguyễn Trần Kiêng	Nam	26/03/1991	280963516	Bình Dương	20C2202010018	
18	Nguyễn Vũ Y Lan	Nữ	17/02/1989	025330513	Đồng Nai	20C2202010019	
19	Lê Thị Mỹ Lan	Nữ	26/10/1989	024201485	Đắk Lắk	20C2202010020	
20	Phan Nguyễn Trúc Linh	Nữ	11/03/1996	025758276	Sông Bé	20C2202010021	
21	Tường Thị Mai Lương	Nữ	23/07/1987	272669765	Hưng Yên	20C2202010022	
22	Trần Tấn Lộc	Nam	09/08/1979	280717933	Bình Dương	20C2202010023	
23	Mai Thị Mị	Nữ	08/07/1989	173228049	Thanh Hóa	20C2202010024	
24	Võ Thanh Nguyên	Nữ	25/07/1994	281010962	Tp.Hồ Chí Minh	20C2202010025	
25	Đào Thị Nguyệt	Nữ	16/03/1985	036185004804	Nam Định	20C2202010026	
26	Hồ Thị Hoàng Oanh	Nữ	15/07/1983	280793824	Bình Dương	20C2202010027	
27	Đào Uyên Phương	Nữ	24/06/1988	212521501	Quảng Ngãi	20C2202010028	
28	Nguyễn Thị Bích Phượng	Nữ	06/12/1983	281085196	Đắk Nông	20C2202010029	
29	Lê Huỳnh Bích Quyên	Nữ	07/11/1987	280905052	Sông Bé	20C2202010030	
30	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nữ	12/11/1983	280791020	Bình Dương	20C2202010031	
31	Phan Công Thành	Nam	08/09/1982	280797089	Sông Bé	20C2202010032	
32	Nguyễn Nhật Thông	Nam	01/11/1976	281072225	Tiền Giang	20C2202010033	
33	Nguyễn Ngọc Thúy	Nữ	28/07/1977	280724991	Bình Dương	20C2202010034	
34	Cao Thị Thanh Thúy	Nữ	08/10/1991	281028443	Bình Dương	20C2202010035	



STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Nơi sinh	Mã số sinh viên	Ghi chú	
35	Phạm Thị Mai	Trâm	Nữ	04/03/1984	280810323	Bình Dương	20C2202010036	
36	Nguyễn Thị Kim	Trúc	Nữ	15/10/1985	264288411	Ninh Thuận	20C2202010037	
37	Trần Ánh	Tú	Nữ	08/12/1988	280881120	Bình Dương	20C2202010038	
38	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	16/10/1988	280929802	Bình Dương	20C2202010039	
39	Trịnh Thị Cẩm	Tuyền	Nữ	12/12/1988	281251342	Bình Định	20C2202010040	
40	Ngô Thiên	Vân	Nữ	07/07/1984	036184000947	Nam Định	20C2202010041	
41	Tạ Phước Khánh	Vân	Nữ	04/03/1994	025424750	Tp.Hồ Chí Minh	20C2202010042	
42	Phan Công	Vinh	Nam	06/08/1980	280765514	Bình Dương	20C2202010043	
43	Nguyễn Đức	Huy	Nam	05/03/1991	321369116	Bến Tre	20C2202010044	
44	Nguyễn Văn	Bền	Nam	20/08/1991	285260439	Bình Phước	20C2202010045	
45	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	Nữ	06/06/1987	285098872	Bình Phước	20C2202010046	
46	Phan Thị Thanh	Loan	Nữ	08/09/1983	285098251	Bình Phước	20C2202010047	
47	Tô Mỹ	Huyền	Nữ	19/11/1997	281129875	Đồng Nai	20C2202010048	
48	Lê Thị Huỳnh	Như	Nữ	27/01/1985	206444346	Khánh Hòa	20C2202010049	
49	Đỗ Thị	Nhung	Nữ	12/02/1990	281275228	Bình Phước	20C2202010050	





**DANH SÁCH SINH VIÊN
HỆ THƯỜNG XUYỀN ĐỢT 3 NĂM 2019**

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH (Đại học vừa làm vừa học)

MÃ LỚP: KVV20QT01

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Nơi sinh	Mã số sinh viên	Ghi chú	
1	Nguyễn Hiệp Bảo	Châu	Nữ	22/08/1993	281067064	Bình Dương	2073101010001	
2	Nguyễn Thị Hồng	Đào	Nữ	20/04/1997	285629732	Bình Phước	2073101010002	
3	Đỗ Quốc Thái	Dương	Nam	11/01/1995	00000281072385	Bình Dương	2073101010003	
4	Nguyễn Đức	Duy	Nam	10/12/1996	285666119	Bình Phước	2073101010004	
5	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	Nữ	07/01/1998	281135425	Bình Dương	2073101010005	
6	Phạm Văn	Hòa	Nam	21/04/1997	281126314	Thanh Hóa	2073101010006	
7	Huỳnh Minh	Khang	Nam	01/01/1995	281093123	Bình Dương	2073101010007	
8	Nguyễn Thị Tuyết	Linh	Nữ	28/11/1999	281187591	Bình Dương	2073101010008	
9	Vương Khánh Kiều	Loan	Nữ	16/04/1999	281190363	Bình Dương	2073101010009	
10	Nguyễn Phúc	Lộc	Nam	23/08/1996	285468442	Bình Phước	2073101010010	
11	Tất Ngân	Long	Nam	05/12/2000	281222535	Bình Dương	2073101010011	
12	Tất Kim	Long	Nam	12/05/2000	281222536	Bình Dương	2073101010012	
13	Vi Thị Thu	Mây	Nữ	29/09/2000	187786367	Nghệ An	2073101010013	
14	Cao Nhật	Minh	Nam	09/10/1994	281069275	Nam Định	2073101010014	
15	Trương Nguyễn Hoài	Nam	Nam	19/06/1995	281122039	Bình Dương	2073101010015	
16	Hoàng Sĩ	Nam	Nam	25/12/1997	194585023	Quảng Bình	2073101010016	
17	Nguyễn Hoài	Thi	Nam	19/07/1993	281017108	Bình Dương	2073101010017	
18	Nguyễn Đức	Thiện	Nam	15/12/1993	281005098	Bình Dương	2073101010018	
19	Nguyễn Thị Bích	Thủy	Nữ	20/06/1994	281321718	Bình Thuận	2073101010020	
20	Nguyễn Thành	Trung	Nam	13/09/2000	281230174	Bình Dương	2073101010021	
21	Nguyễn Văn	Tuyền	Nam	12/06/2001	030201006076	Hải Dương	2073101010022	
22	Phan Văn	Trọng	Nam	20/10/1984	285052034	Bình Phước	2073101010026	
23	Trần Thị	Hà	Nữ	03/03/1998	245331472	Đắk Lắk	2073101010024	
24	Phạm Văn	Duẩn	Nam	16/08/1982	142034340	Hải Dương	2073101010025	
25	Trịnh Đình	Trung	Nam	18/10/2001	285801521	Bình Phước	2073101010027	



**DANH SÁCH SINH VIÊN
HỆ THƯỜNG XUYỀN ĐỢT 3 NĂM 2019**

NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH (Đại học vừa làm vừa học)

MÃ LỚP: KVV20AV01

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Nơi sinh	Mã số sinh viên	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	04/05/2000	281230426	Bình Dương	2072202010001	
2	Võ Nguyên Chi	Nữ	15/12/1997	281263951	Bình Dương	2072202010002	
3	Nguyễn Thị Hồng Đào	Nữ	04/07/1994	281041677	Bình Dương	2072202010003	
4	Võ Khải Điền	Nam	16/02/2001	281248435	Bình Dương	2072202010004	
5	Vũ Thị Giang	Nữ	18/04/1991	285260490	Thái Bình	2072202010005	
6	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	22/07/2000	285682841	Bình Phước	2072202010006	
7	Vũ Thị Hòa	Nữ	20/10/1994	163280544	Nam Định	2072202010007	
8	Trần Xuân Hương	Nữ	01/02/1990	280943016	Bình Dương	2072202010008	
9	Phạm Hoàng Thiên Hương	Nữ	21/11/1989	280977180	Bình Dương	2072202010009	
10	Nguyễn Quang Minh	Nam	26/09/1999	281265163	Bình Dương	2072202010010	
11	Huỳnh Quang Minh	Nam	09/12/1997	281150253	Tp.Hồ Chí Minh	2072202010011	
12	Phạm Thị Quỳnh Như	Nữ	08/06/1997	281139455	Đồng Nai	2072202010012	
13	Nguyễn Thị Hồng Phương	Nữ	22/02/2000	366278897	Sóc Trăng	2072202010013	
14	Nguyễn Thanh Sang	Nam	15/03/1986	079086002861	Tp.Hồ Chí Minh	2072202010014	
15	Nguyễn Huỳnh Anh Thy	Nam	22/05/1996	281156783	Tp.Hồ Chí Minh	2072202010015	
16	Nguyễn Tân Trí	Nam	11/12/1995	352257755	An Giang	2072202010016	
17	Nguyễn Phạm Minh Triết	Nam	29/03/2001	281251019	Tp.Hồ Chí Minh	2072202010017	
18	Nguyễn Sơn Tùng	Nam	09/09/1997	025759546	Bình Dương	2072202010018	
19	Nguyễn Xuân Tươi	Nữ	28/12/1993	281035783	Bình Dương	2072202010019	
20	Phạm Thị Thủy Tuyên	Nữ	16/09/1995	212268453	Quảng Ngãi	2072202010020	
21	Nguyễn Ái Vy	Nữ	22/10/2001	074301000012	Bình Dương	2072202010021	



**DANH SÁCH SINH VIÊN
HỆ THƯỜNG XUYÊN ĐỢT 3 NĂM 2019**

NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON (Đại học vừa làm vừa học)

MÃ LỚP: KVV20MN01

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Nơi sinh	Mã số sinh viên	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Nữ	01/10/1992	245181555	Đắk Lắk	2071402010001	
2	Phan Thị Dung	Nữ	02/03/1994	184170225	Hà Tĩnh	2071402010002	
3	Bồ Thị Tuyết Duyên	Nữ	23/12/1999	281186444	Bình Dương	2071402010003	
4	Nguyễn Thị Thùy Giang	Nữ	27/01/1981	281166507	Bình Dương	2071402010004	
5	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	04/08/1996	281157614	Thanh Hóa	2071402010005	
6	Trần Mỹ Hương	Nữ	19/10/1994	281074454	Bình Dương	2071402010006	
7	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	02/01/2000	281217311	Bình Dương	2071402010007	
8	Nguyễn Ái Linh	Nữ	13/09/2001	281260621	Bình Dương	2071402010008	
9	Vũ Thị Lợt	Nữ	28/03/1979	034179002715	Thái Bình	2071402010009	
10	Ngô Thị Diễm Ngân	Nữ	10/03/1990	280976771	Sông Bé	2071402010010	
11	Trần Thị Yến Nhi	Nữ	17/04/2000	281199426	Bình Dương	2071402010011	
12	Nguyễn Thị Bích Phương	Nữ	01/01/2001	261600159	Bình Thuận	2071402010012	
13	Nguyễn Thị Hương Sen	Nữ	01/01/1978	280913763	Thái Bình	2071402010013	
14	Lê Thị Thảo	Nữ	01/11/2000	038300012112	Thanh Hóa	2071402010014	
15	Nguyễn Ngọc Thảo	Nữ	07/12/1992	280985210	Bình Dương	2071402010015	
16	Tạ Ngọc Linh Thi	Nữ	05/01/1997	281139919	Bình Dương	2071402010016	
17	Huỳnh Thị Ngọc Trâm	Nữ	16/08/2000	079300005579	Tp.Hồ Chí Minh	2071402010017	
18	Trần Thị Việt Trinh	Nữ	19/10/2000	164670597	Ninh Bình	2071402010018	
19	Phạm Thị Tố Uyên	Nữ	12/02/1988	281120494	Vĩnh Phú	2071402010019	

PHIẾU THÔNG TIN SINH VIÊN - HỆ THƯỜNG XUYÊN
NĂM 20.....